

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 20 tháng 3 năm 2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến, Ông Nguyễn Quang Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2022/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 01/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H’ R, sinh năm 1968 và ông Y K, sinh năm 1966.

Trú tại: Đội 3, Buôn D, xã DK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Sơn B, sinh năm 1950

Trú tại: Đội 3, Buôn D, xã DK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1967, ông Trần Đình K

Trú tại: Xóm 2, thôn 1, thị trấn BT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn Khởi kiện ngày 04/10/2022 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà H’ R, ông Y K và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vợ chồng bà H’ R, ông Y K và bà Phan Thị L có quan hệ quen biết làm ăn. Vào ngày 07/10/2016 bà H’ R và ông Y K có cho bà Phan Thị L vay số tiền

100.000.000đồng. Khi vay hai bên viết giấy mượn tiền, bà Phan Thị L ký vào giấy vay, hẹn 05 ngày sau trả nợ. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi xuất. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ, bà H' R, ông Y K đã yêu cầu bà Phan Thị L trả nợ nhiều lần nhưng bà Phan Thị L không trả nợ mà cố tình trốn tránh. Sau đó, bà H' R, ông Y K ra gặp ông Trần Đình K là chồng bà L thì ông K mới ký vào giấy là người làm chứng, thực tế khi cho bà L vay tiền thì không có ông K tham gia. Bà H' R, ông Y K xác định chỉ cho bà Phan Thị L vay tiền.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn rút một phần yêu cầu K kiện về yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu K kiện đối với ông Trần Đình K.

Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị L trả cho bà H' R và ông Y K số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2022, quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn bà Phan Thị L trình bày:

Giữa bà Phan Thị L và bà H' R, ông Y K có quan hệ quen biết, bà Phan Thị L cho bà H' R vay tiền nhiều lần. Đối với giấy vay tiền ngày 07/10/2016 giữa bà Phan Thị L và bà H' R viết ra là để sử dụng vào việc thuyết phục chồng bà Phan Thị L là ông Trần Đình K ký hồ sơ cho bà Phan Thị L vay tiền ngân hàng. Bà Phan Thị L thừa nhận chữ ký trong giấy vay là của bà Phan Thị L.

Hiện nay bà Phan Thị L không có giấy tờ gì chứng minh việc thỏa thuận viết giấy vay. Thực tế bà Phan Thị L không hề vay bất cứ số tiền nào của bà H' R, bà H' R cũng không có tiền cho bà Phan Thị L vay. Bà Phan Thị L không chấp nhận yêu cầu Khởi kiện của bà H' R. Khi viết giấy không có ông K, ông K không biết về việc này.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2022, quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn ông Trần Đình K trình bày:

Ông K và bà L chung sống với nhau như vợ chồng, ngày 30/6/2016 Tòa án nhân dân huyện K đã giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông K và bà L. Ông K không biết việc vay tiền giữa bà H' R, ông Y K và bà Phan Thị L, khi bà L không trả tiền thì bà H' R, ông Y K ra gặp ông K thì ông K mới ký vào giấy là người làm chứng, thực tế khi cho bà L vay tiền thì không có ông K tham gia. Ông không biết và không sử dụng số tiền mà bà L vay.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu K kiện đối với ông Trần Đình K, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị L trả cho bà H' R và ông Y K số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện K phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

tổ tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 466, 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu Khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu K kiện, không yêu cầu ông Trần Đình K phải trả nợ và rút yêu cầu về lãi suất. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với những nội dung trên.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn, do vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nguyên đơn đã Khởi kiện đòi nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn BT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu Khởi kiện: Nguyên đơn bà H’ R và ông Y K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Phan Thị L phải trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với số tiền nợ gốc, căn cứ vào yêu cầu Khởi kiện của nguyên đơn bà H' R và ông Y K và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là 01 giấy mượn tiền bản gốc đề ngày 07/10/2016. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị L xác định bị đơn không vay tiền của nguyên đơn, giữa hai bên có viết giấy mượn tiền vào ngày 07/10/2016 mục đích là để chồng bà L, ông Trần Đình K chấp nhận cùng bà L vay tiền ngân hàng, bà Phan Thị L có ký vào giấy vay tiền ngày 07/10/2016 nhưng không nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà H' R và ông Y K. Tuy nhiên, bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh việc thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, mặt khác nguyên đơn không thừa nhận thỏa thuận như bị đơn trình bày nên không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào chứng cứ giấy vay tiền đề ngày 07/10/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn, số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 05 ngày. Giấy vay tiền này đều có chữ viết, chữ ký của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phan Thị L thừa nhận giữa hai bên có viết giấy vay tiền và bị đơn có ký vào giấy. Như vậy chứng tỏ rằng việc các đương sự có thiết lập hợp đồng vay tài sản là có thật, khi viết giấy vay tiền các bên có đủ năng lực hành vi dân sự. Nay đã quá hạn trả nợ, nhưng bị đơn không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phan Thị L phải trả cho bà H' R và ông Y K số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với ông Trần Đình K có ký vào giấy vay với vai trò là người làm chứng, tuy nhiên khi các bên tiến hành việc vay tiền thì ông K không tham gia, không biết về việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Mặt khác, ngày 30/6/2016, Tòa án nhân dân huyện K đã giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông K và bà L theo bản án số 11/2016/HNGĐ-ST, tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Quá trình làm việc nguyên đơn đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Đình K. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà Phan Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; **khoản 2**, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H' R và ông Y K.

Buộc bà Phan Thị L phải trả cho bà H' R và ông Y K số tiền gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà H' R và ông Y K về yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi và yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Đình K. Đương sự được quyền Khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc bà Phan Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đôn